



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 128 + 129 (15/8/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-7-2009	- Quyết định số 3492/QĐ-UBND về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	2
-----------	---	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện).....thành phố Hồ Chí Minh
(Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân quận (huyện), chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

.....

Mẫu số 18-CC/MTĐTS

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

* Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

Bên thuê (sau đây gọi là Bên B):

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

.....

.....

.....

.....

.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê tài sản với các thỏa thuận sau đây:

**ĐIỀU 1
TÀI SẢN THUÊ**

Mẫu số 18-CC/MTĐTS

Mô tả cụ thể các chi tiết về tài sản thuê và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền thuê của Bên A đối với tài sản thuê.

.....

.....

.....

.....

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê tài sản nêu trên là....., kể từ ngày

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Bên B sử dụng tài sản thuê nêu trên vào mục đích:

.....

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ TÀI SẢN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê tài sản nêu trên là:.....
(bằng chữ.....)
2. Phương thức thanh toán như sau:.....
3. Việc giao và nhận số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5 PHƯƠNG THỨC GIAO, TRẢ LẠI TÀI SẢN THUÊ

Ghi rõ các thỏa thuận về việc giao, trả tài sản thuê, các yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu trị giá tài sản thuê bị giảm sút (nếu có); địa điểm trả tài sản thuê nếu tài sản thuê là động sản; các điều kiện nếu Bên B chậm trả tài sản thuê...

.....

.....

.....

.....

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chuyển giao tài sản cho thuê đúng thỏa thuận ghi trong Hợp đồng;
 - b) Bảo đảm giá trị sử dụng của tài sản cho thuê;
 - c) Bảo đảm quyền sử dụng tài sản cho Bên B;
 - d) Thông báo cho Bên B về quyền của người thứ ba (nếu có) đối với tài sản thuê;
 - đ) Các thỏa thuận khác ...
2. Bên A có quyền sau đây:
 - a) Nhận đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận;

Mẫu số 18-CC/MTĐTS

- b) Nhận lại tài sản thuê khi hết hạn Hợp đồng;
- c) Đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B có một trong các hành vi sau đây:
 - Không trả tiền thuê trong 3 kỳ liên tiếp (trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác);
 - Sử dụng tài sản thuê không đúng công dụng; mục đích của tài sản;
 - Làm tài sản thuê mất mát, hư hỏng;
 - Sửa chữa, đổi hoặc cho người khác thuê lại mà không có sự đồng ý của Bên A;
- d) Các thỏa thuận khác ...

ĐIỀU 7 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

- 1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Bảo quản tài sản thuê như tài sản của chính mình, không được thay đổi tình trạng tài sản, cho thuê lại tài sản nếu không có sự đồng ý của bên A;
 - b) Sử dụng tài sản thuê đúng công dụng, mục đích của tài sản;
 - c) Trả đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận;
 - d) Trả lại tài sản thuê đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận;
 - đ) Các thỏa thuận khác ...
- 2. Bên B có các quyền sau đây:
 - a) Nhận tài sản thuê theo đúng thỏa thuận;
 - b) Được sử dụng tài sản thuê theo đúng công dụng, mục đích của tài sản;
 - c) Đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng thuê tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu:
 - Bên A chậm giao tài sản theo thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên B;
 - Bên A giao tài sản thuê không đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, tình trạng như thỏa thuận;
 - Tài sản thuê không thể sửa chữa, do đó mục đích thuê không đạt được hoặc tài sản thuê có khuyết tật mà Bên B không biết;
 - Có tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thuê mà bên thuê không được sử dụng tài sản ổn định;
 - d) Yêu cầu Bên A phải thanh toán chi phí hợp lý về việc sửa chữa hoặc làm tăng giá trị tài sản thuê (*nếu có thỏa thuận*);
 - đ) Các thỏa thuận khác ...

ĐIỀU 8 VIỆC NỘP LỆ PHÍ CHỨNG THỰC

Lệ phí chứng thực liên quan đến việc thuê tài sản theo Hợp đồng này do Bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 9 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 18-CC/MTĐTS

ĐIỀU 10
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân, về tài sản thuê ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- c) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- d) Các cam đoan khác...

2. Bên B cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản thuê;
- c. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- đ. Các cam đoan khác...

ĐIỀU 11
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;

2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

3. Hợp đồng có hiệu lực từ:

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 18-CC/MTĐTS

LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG THỰC

Ngày tháng..... năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp chứng thực ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu chứng thực được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân)

Tôi (ghi rõ họ tên, chức vụ của người thực hiện chứng thực),

..... quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh.

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thuê tài sản này được giao kết giữa Bên A là..... và Bên B là; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang), cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Lưu tại Phòng Tư pháp một bản chính.

Số chứng thực....., quyền số TP/CC-

Người có thẩm quyền chứng thực

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân*), chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Mẫu số 19-CT/TTS

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

* Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

Bên thuê (sau đây gọi là Bên B):

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

.....

.....

.....

.....

Nguyên trước đây hai bên A và B có ký Hợp đồng thuê tài sản được

..... chứng nhận (chứng thực) ngày..... số

....., quyền số, theo đó, bên A cho bên B thuê tài sản là

.....

Nay hai bên thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng nêu trên với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Ghi cụ thể nội dung thỏa thuận và các Điều, khoản cần sửa đổi, bổ sung.

.....

.....

.....

ĐIỀU 2

VIỆC NỘP LỆ PHÍ CHỨNG THỰC

Lệ phí chứng thực Hợp đồng này do Bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 3

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
3. Các cam đoan khác.

ĐIỀU 5

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng mượn tài sản số..... ngày.....

2. Các điều khoản khác của Hợp đồng mượn tài sản số ngày..... không bị sửa đổi, bổ sung vẫn còn nguyên giá trị.

3. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

4. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực.

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

Mẫu số 19-CT/TTS

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ:

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG THỰC

Ngày tháng..... năm.....(bằng chữ.....)

(Trường hợp chứng thực ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu chứng thực được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân)

Tôi (ghi rõ họ tên, chức vụ của người thực hiện chứng thực)

..... quận (huyện)thành phố Hồ Chí Minh.

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thuê tài sản này được giao kết giữa Bên A là..... và Bên B là; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 19-CT/TTS

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điền chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
 - Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điền chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
 - Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
 - Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điền chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
 - Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điền chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
 - Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
 - Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,trang), cấp cho:
 - + Bên A..... bản chính;
 - + Bên B..... bản chính;
 - + Lưu tại Phòng Tư pháp một bản chính.
- Số chứng thực..... quyền số..... TP/CC-.....

Người có thẩm quyền chứng thực
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỦY BỎ
HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN

Tại Phòng công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng Phòng công chứng, chúng tôi gồm có:*

Bên cho thuê (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:.....

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Mẫu số 20-CC/TTS

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại

Hộ khẩu thường trú:

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:

ngày do lập.

Bên thuê (sau đây gọi là Bên B):

(*Chọn một trong các chủ thể nêu trên*)

.....

Mẫu số 20-CC/TTS

.....
.....
Nguyên trước đây hai bên A và B có ký Hợp đồng thuê tài sản được
.....chứng nhận (*chứng thực*) ngày.....số
....., quyển số, theo đó, Bên A cho Bên B thuê tài sản.....

Nay hai bên đồng ý hủy bỏ Hợp đồng nêu trên với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1

NỘI DUNG THỎA THUẬN HỦY BỎ

Ghi cụ thể nội dung thỏa thuận liên quan đến việc hủy bỏ hợp đồng thuê tài sản như lý do của việc hủy bỏ hợp đồng, giao lại tài sản thuê (thời hạn, phương thức), yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có)...

.....
.....
.....
.....

ĐIỀU 2

VIỆC NỘP LỆ PHÍ CHỨNG THỰC

Lệ phí chứng thực Hợp đồng này do Bên.....chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 3

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng thương lượng trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
3. Các cam đoan khác.....

ĐIỀU 5 ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;
2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực.
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng này có hiệu lực từ.....

Bên A
(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B
(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày tháng..... năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn).

Tại Phòng Công chứng số.....thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng).

Tôi, Công chứng viên Phòng Công chứng số... thành phố Hồ Chí Minh

Chứng nhận:

- Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng thuê tài sản này được giao kết giữa Bên A là..... B là.....; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc lại Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc lại Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 20-CC/TTS

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điền chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,.....trang),
cấp cho :

+ Bên A..... bản chính

+ Bên B..... bản chính

+ Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

- Số Công chứng quyền sốTP/CC-

Công chứng viên

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 21-CT/TTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THANH LÝ HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân*), chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

.....
Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....
Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....
(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....
Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

Mẫu số 21-CT/TTS

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

Bên thuê (sau đây gọi là Bên B):*(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)*

.....

.....

.....

.....

.....

Nguyên trước đây hai bên A và B có ký Hợp đồng thuê tài sản được
 chứng nhận (*chứng thực*) ngày số
, quyền số, theo đó, Bên A cho Bên B thuê tài sản

Nay hai bên đồng ý thanh lý Hợp đồng thuê tài sản nêu trên với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1**NỘI DUNG THANH LÝ**

Mẫu số 21-CT/TTS

Ghi cụ thể nội dung thỏa thuận liên quan đến việc thanh lý hợp đồng thuê tài sản như thời gian chấm dứt việc thuê tài sản, việc thanh toán tiền thuê, giao nhận tài sản thuê, quyền và nghĩa vụ hai bên, bồi thường thiệt hại (nếu có)...

.....

.....

.....

.....

.....

ĐIỀU 2**VIỆC NỘP LỆ PHÍ CHỨNG THỰC**

Lệ phí chứng thực Hợp đồng này do Bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 3**PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4**CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN**

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
3. Các cam đoan khác.

ĐIỀU 5**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực.

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

Mẫu số 21-CT/TTS

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ:

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG THỰC

Ngày tháng..... năm.....(bằng chữ.....)

(Trường hợp chứng thực ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu chứng thực được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân)

Tôi (ghi rõ họ tên, chức vụ của người thực hiện chứng thực)

..... quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh.

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thanh lý Hợp đồng thuê tài sản này được giao kết giữa Bên A là..... và Bên B là; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 21-CT/TTS

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,trang), cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Lưu tại Phòng Tư pháp một bản chính.

Số chứng thực..... quyền số..... TP/CC-.....

Người có thẩm quyền chứng thực
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân*), chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê khoán (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:.....

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:.....

.....

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Mẫu số 22-CT/TTS

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

* Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

Bên thuê/khoán (sau đây gọi là Bên B):*(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê khoán tài sản với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1**TÀI SẢN THUÊ KHOÁN**

Mô tả cụ thể các chi tiết về tài sản thuê khoán và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền thuê của Bên A đối với tài sản thuê khoán.

.....

ĐIỀU 2
THỜI HẠN THUÊ KHOÁN

Thời hạn thuê khoán tài sản nêu tại Điều 1 là:.....

ĐIỀU 3
MỤC ĐÍCH THUÊ KHOÁN

Bên B sử dụng tài sản nêu tại Điều 1 vào mục đích:.....

.....

ĐIỀU 4
GIÁ THUÊ KHOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê khoán tài sản nêu tại Điều 1 là:

(bằng chữ.....)

(giá thuê khoán do các bên thỏa thuận, nếu thuê khoán thông qua đấu thầu thì giá thuê khoán là giá được xác định khi đấu thầu. Tiền thuê có thể bằng hiện vật, bằng tiền hoặc bằng việc thực hiện một công việc)

2. Phương thức thanh toán như sau:.....

.....

3. Việc giao và nhận tiền thuê khoán do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4. Các thỏa thuận khác: ... (điều kiện giảm tiền thuê khoán, giải quyết sự kiện bất khả kháng ...).

.....

ĐIỀU 5
PHƯƠNG THỨC GIAO, TRẢ LẠI TÀI SẢN THUÊ KHOÁN

Ghi rõ các thỏa thuận về việc giao tài sản thuê khoán; việc đánh giá tình trạng của tài sản thuê khoán và xác định giá trị tài sản thuê khoán tại thời điểm giao; việc trả tài sản thuê khoán; các yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu trị giá tài sản thuê khoán bị giảm sút; địa điểm trả tài sản thuê khoán nếu tài sản thuê khoán là động sản; các điều kiện nếu Bên B chậm trả tài sản thuê khoán....

.....

.....

ĐIỀU 6
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chuyển giao tài sản thuê khoán đúng thỏa thuận ghi trong Hợp đồng;

b) Bảo đảm quyền sử dụng của tài sản cho Bên B;

c) Thông báo cho Bên B về quyền của người thứ ba (nếu có) đối với tài sản thuê khoán;

d) Thanh toán cho Bên B chi phí hợp lý để thay thế, cải tạo tài sản thuê khoán;

đ) Chịu một nửa những thiệt hại về súc vật thuê khoán (nếu tài sản thuê khoán là súc vật thuê khoán) do sự kiện bất khả kháng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);

Mẫu số 21-CT/TTS

e) Không được đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng trong trường hợp tài sản thuê khoán là nguồn sống duy nhất của Bên B và việc tiếp tục thuê khoán không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Bên A;

f) Báo trước cho Bên B thời hạn nếu đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng;

g) Các thỏa thuận khác ...

2. Bên A có quyền sau đây:

a) Nhận đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận;

b) Nhận lại tài sản thuê khoán khi hết hạn Hợp đồng;

c) Đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B khai thác công dụng không đúng mục đích;

d) Các thỏa thuận khác ...

ĐIỀU 7

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khai thác tài sản thuê khoán đúng mục đích thỏa thuận và báo cho Bên A theo định kỳ về tình trạng tài sản và tình hình khai thác tài sản;

b) Thông báo kịp thời tình hình tài sản thuê khoán nếu Bên A có yêu cầu hoặc đột xuất;

c) Bảo quản, bảo dưỡng tài sản thuê khoán và trang thiết bị kèm theo bằng chi phí của mình (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);

d) Trả đủ tiền thuê khoán tài sản theo phương thức đã thỏa thuận;

đ) Trả lại tài sản thuê khoán khi hết hạn Hợp đồng;

e) Không được cho thuê khoán lại tài sản thuê khoán, nếu không có sự đồng ý của Bên A;

f) Bồi thường thiệt hại nếu làm mất mát, hư hỏng hoặc làm mất giá trị, giảm sút giá trị tài sản thuê khoán (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);

g) Báo trước cho Bên A thời hạn nếu đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng;

h) Trả cho Bên A một nửa số súc vật được sinh ra trong thời hạn thuê khoán (nếu tài sản thuê khoán là súc vật) (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);

i) Chịu một nửa những thiệt hại về súc vật thuê khoán do sự kiện bất khả kháng (nếu tài sản thuê khoán là súc vật) (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);

j) Các thỏa thuận khác ...

2. Bên B có các quyền sau đây:

a) Nhận tài sản thuê khoán theo đúng thỏa thuận;

b) Khai thác công dụng tài sản thuê khoán theo đúng mục đích;

c) Thay thế, cải tạo tài sản thuê khoán (nếu có thỏa thuận) nhưng vẫn phải bảo toàn giá trị tài sản thuê khoán;

d) Được hưởng một nửa số súc vật sinh ra trong thời hạn thuê khoán (nếu tài sản thuê khoán là súc vật) (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);

đ) Các thỏa thuận khác

ĐIỀU 8

VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Lệ phí công chứng liên quan đến việc thuê khoán tài sản theo Hợp đồng này do Bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 9**PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10**CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN**

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

a) Những thông tin về nhân thân, về tài sản thuê khoán ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

c) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;

d) Các cam đoan khác...

2. Bên B cam đoan:

a) Những thông tin về nhân thân ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản thuê khoán;

c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;

đ) Các cam đoan khác...

ĐIỀU 11**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực.

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

Mẫu số 21-CT/TTS

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ:

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CHỨNG THỰC

Ngày tháng..... năm.....(bằng chữ.....)

(Trường hợp chứng thực ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu chứng thực được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

Tại Ủy ban nhân dân quận (huyện) thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện chứng thực và Ủy ban nhân dân)

Tôi (ghi rõ họ tên, chức vụ của người thực hiện chứng thực),

..... quận (huyện)thành phố Hồ Chí Minh.

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng khoán thuê tài sản này được giao kết giữa Bên A là..... và Bên B là; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 21-CT/TTS

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,trang), cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Lưu tại Phòng Tư pháp một bản chính.

Số chứng thực..... quyển số..... TP/CC-.....

Người có thẩm quyền chứng thực
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 23-CC/VTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN KHÔNG CÓ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Tại Phòng công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng Phòng Công chứng, chúng tôi là:*

Bên cho vay (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Mẫu số 23-CC/VTS

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:

ngày do lập.

Bên vay (sau đây gọi là Bên B):

(*Chọn một trong các chủ thể nêu trên*)

.....

.....

.....

.....

.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc vay tài sản với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1 TÀI SẢN VAY

Mô tả cụ thể các chi tiết về tài sản vay. (Nếu tài sản là vật phải nêu rõ số lượng, chất lượng, chủng loại, trị giá...)

.....

.....

.....

**ĐIỀU 2
KỲ HẠN VAY**

Kỳ hạn vay là:..... kể từ ngày.....
Việc vay có thể có kỳ hạn hoặc không có kỳ hạn, nếu không có kỳ hạn thì ghi rõ không có kỳ hạn.

**ĐIỀU 3
LÃI SUẤT VAY**

Lãi suất vay là *(Do các bên thỏa thuận, có thể không có lãi hoặc có lãi, nếu có thì lãi suất không được vượt quá 50% của lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng):*.....
.....

**ĐIỀU 4
MỤC ĐÍCH VAY VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN VAY**

Mục đích vay là *(Các bên có thể thỏa thuận về việc tài sản vay phải được sử dụng đúng mục đích vay; bên A có quyền kiểm tra việc sử dụng tài sản và có quyền đòi tài sản vay trước thời hạn, nếu đã nhắc nhở mà bên B vẫn sử dụng tài sản trái mục đích):*
.....
.....

**ĐIỀU 5
ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO TÀI SẢN VAY**

Ghi rõ nghĩa vụ của bên A liên quan đến việc giao tài sản vay *(số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm...)*
.....
.....
.....

**ĐIỀU 6
ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC TRẢ NỢ**

Ghi rõ các thỏa thuận về nghĩa vụ của bên B liên quan đến việc trả nợ như trả bằng tiền hay bằng vật; trường hợp không thể trả vật; trường hợp đến hạn không trả được nợ hoặc trả không đủ; trường hợp trả nợ trước thời hạn; trường hợp đòi lại tài sản đối với hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi hoặc không có lãi...
.....

.....
.....
.....

ĐIỀU 7
QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN VAY

Bên B trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó.

ĐIỀU 8
VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Lệ phí công chứng Hợp đồng này do bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 9
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:
 - a. Những thông tin về nhân thân, về tài sản vay đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
 - c. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
 - d. Các cam đoan khác:...

2. Bên B cam đoan:
 - a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản vay;

- c. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
- đ. Các cam đoan khác:...

ĐIỀU 11 ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;
2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.
- Hai bên đã nghe Người có thẩm quyền chứng thực đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Người có thẩm quyền chứng thực.
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng này có hiệu lực từ

Bên A
(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B
(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày tháng..... năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn).

Tại Phòng Công chứng số.....thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng).

Tôi, Công chứng viên Phòng Công chứng số... thành phố Hồ Chí Minh

Chứng nhận:

- Hợp đồng vay tài sản được giao kết giữa Bên A là.....và Bên B là.....; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc lại Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc lại Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 23-CC/VTS

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;
- Hợp đồng này được lập thành bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,.....trang), cấp cho :
 - + Bên A..... bản chính
 - + Bên B..... bản chính
 - + Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.
 - Số Công chứng quyền sốTP/CC-

Công chứng viên
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH
(Bằng động sản)

Tại Phòng công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng Phòng Công chứng, chúng tôi là:*

Bên bảo lãnh (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại
 Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

Cùng vợ là bà:
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

Các thành viên của hộ gia đình:

Mẫu số 24-CC/VTS

- Họ và tên:
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:
 ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:
 Trụ sở:
 Quyết định thành lập số: ngày tháng năm
 do cấp.
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm
 do cấp.
 Số Fax: Số điện thoại:
 Họ và tên người đại diện:
 Chức vụ:
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:
 ngày do lập.

Bên nhận bảo lãnh (sau đây gọi là Bên B):

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

.....

Bên được bảo lãnh (sau đây gọi là bên C)

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

Mẫu số 24-CC/VTS

.....

 Bên C đó ký Hợp đồng vay (Hợp đồng tín dụng).....
(hoặc thỏa thuận khác làm phát sinh nghĩa vụ cần bảo đảm).

Để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của bên C phát sinh từ Hợp đồngnêu trên, bằng Hợp đồng này, bên A cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C với những thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1 NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM

1. Bên A đồng ý sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C (bao gồm: nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn và phí), trong trường hợp hết thời hạn mà bên C không trả hoặc trả không hết nợ cho bên B.

2. Số tiền mà bên B cho bên C vay là:.....đ (bằng chữ:.....đồng). Các điều kiện chi tiết về việc cho vay số tiền nêu trên đã được ghi cụ thể trong Hợp đồng tín dụng.

ĐIỀU 2 TÀI SẢN BẢO LÃNH

1. Tài sản bảo lãnh là..... có đặc điểm như sau:

.....

2. Theo.....

 thì bên A là chủ sở hữu của tài sản bảo lãnh nêu trên.

ĐIỀU 3 GIÁ TRỊ TÀI SẢN BẢO LÃNH

1. Giá trị của tài sản bảo lãnh nêu trên là:..... đ (bằng chữ:..... đồng)

Mẫu số 24-CC/VTS

2. Việc xác định giá trị của tài sản bảo lãnh nêu trên chỉ để làm cơ sở xác định mức cho vay của bên B, không áp dụng khi xử lý tài sản để thu hồi nợ.

ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Nghĩa vụ của bên A:

- Giao tài sản bảo lãnh và các giấy tờ về tài sản bảo lãnh nêu trên cho bên B;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với tài sản bảo lãnh, nếu có;
- Thực hiện việc đăng ký bảo lãnh tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Thanh toán cho bên B chi phí cần thiết để bảo quản tài sản bảo lãnh;
- Thực hiện việc xóa đăng ký bảo lãnh khi bên C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc bên A hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C, tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Quyền của bên A

- Yêu cầu bên B đình chỉ việc sử dụng tài sản bảo lãnh, nếu do sử dụng mà tài sản bảo lãnh có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm giá trị;
- Nhận lại tài sản bảo lãnh và các giấy tờ về tài sản bảo lãnh sau khi bên C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc bên A hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C;
- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản bảo lãnh hoặc các giấy tờ về tài sản bảo lãnh.
- Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thay, bên A có quyền yêu cầu bên C thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi đã bảo lãnh, nếu không có thoả thuận khác.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Nghĩa vụ của bên B:

- Giữ, bảo quản tài sản bảo lãnh và các giấy tờ về tài sản bảo lãnh, trong trường hợp làm mất, hư hỏng, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên A;
- Không được bán, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn hoặc dùng tài sản bảo lãnh để bảo đảm cho nghĩa vụ khác;
- Giao lại tài sản bảo lãnh và các giấy tờ về tài sản bảo lãnh nêu trên cho bên A khi bên C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hoặc bên A hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C.

2. Quyền của bên B

- Yêu cầu bên A thực hiện đăng ký việc bảo lãnh theo quy định của pháp luật;
- Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản bảo lãnh khi trả lại tài sản cho bên A;
- Yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN C

Bên C có nghĩa vụ và quyền sau đây:

- Thực hiện các nghĩa vụ đối với bên A trong phạm vi đã được bảo lãnh sau khi bên A hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C, nếu không có thoả thuận khác;
- Được nhận được tiền vay theo phương thức đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

ĐIỀU 7
XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO LÃNH

1. Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bên C không trả hoặc trả không hết nợ, thì bên B yêu cầu bên A thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên C; nếu bên A không trả hoặc trả không hết nợ, thì bên B có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ với phương thức:

Chọn một hoặc một số phương thức sau đây:

- Bán đấu giá tài sản bảo lãnh;
- Bên B nhận chính tài sản bảo lãnh để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm;
- Bên B được nhận trực tiếp các khoản tiền hoặc tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ trả tiền hoặc tài sản cho bên A

2. Việc xử lý tài sản bảo lãnh nêu trên được thực hiện để thanh toán cho bên B theo thứ tự nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí khác (nếu có), sau khi đã trừ đi các chi phí bảo quản, chi phí bán đấu giá và các chi phí khác có liên quan đến việc xử lý tài sản bảo lãnh.

ĐIỀU 8
VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Bên..... chịu trách nhiệm nộp lệ phí công chứng Hợp đồng này.

ĐIỀU 9
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Mẫu số 24-CC/VTS

Các bên chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân và về tài sản đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Tài sản bảo lãnh nêu trên không có tranh chấp;
- c. Tài sản bảo lãnh nêu trên không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật
- d. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
- g. Các cam đoan khác...

2. Bên B cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản bảo lãnh nêu trên và các giấy tờ về tài sản bảo lãnh, đồng ý cho bên A vay số tiền nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;
- c. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
- e. Các cam đoan khác...

3. Bên C cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- c. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
- d. Các cam đoan khác...

ĐIỀU 11 ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Các bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

2. Các bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Các bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Các bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Mẫu số 24-CC/VTS

- Các bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Các bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Các bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Các bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Các bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ.....

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Bên C

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 24-CC/VTS

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

tại Phòng Công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng)

Tôi....., Công chứng viên Phòng Công chứng số.....thành phố Hồ Chí Minh

Chứng nhận:

- Hợp đồng bảo lãnh bằng động sản này được giao kết giữa bên A là , bên B là và bên C là; các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đó ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 24-CC/VTS

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đó điếm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đó ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,trang), cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Bên C bản chính;

+ Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số công chứng....., quyển số.....TP/CC-SCC/HĐGD.

Công chứng viên
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 25-CC/VTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN

Tại Phòng công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng Phòng công chứng, chúng tôi là:*

Bên cầm cố tài sản (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số:..... cấp ngày tháng năm tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

Có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số:..... cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số:..... cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:.....

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Mẫu số 25-CC/VTS

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
tại

Hộ khẩu thường trú:

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:

ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm

do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:

ngày do lập.

Bên nhận cầm cố tài sản (sau đây gọi là Bên B):

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

.....
.....
.....
.....
.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc cầm cố tài sản với những thỏa thuận sau đây:

**ĐIỀU 1
NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM**

1. Bên A đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên B (bao gồm: nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn và phí).

2. Số tiền mà bên B cho bên A vay là:..... đ
(bằng chữ:.....đồng).

Các điều kiện chi tiết về việc cho vay số tiền nêu trên đã được ghi cụ thể trong Hợp đồng tín dụng.

**ĐIỀU 2
TÀI SẢN CẦM CỐ**

1. Tài sản cầm cố là....., có đặc điểm như sau:

-.....

2. Theo,
.....
.....

thì bên A là chủ sở hữu của tài sản cầm cố nêu trên.

3. Hai bên thỏa thuận tài sản cầm cố sẽ do Bên giữ.

(Nếu hai bên thỏa thuận giao tài sản cầm cố cho người thứ ba giữ thì ghi rõ chi tiết về bên giữ tài sản).....
.....

**ĐIỀU 3
GIÁ TRỊ TÀI SẢN CẦM CỐ**

Mẫu số 25-CC/VTS

1. Giá trị của tài sản cầm cố nêu trên là:..... đ (bằng chữ:..... đồng)

2. Việc xác định giá trị của tài sản cầm cố nêu trên chỉ để làm cơ sở xác định mức cho vay của bên B, không áp dụng khi xử lý tài sản để thu hồi nợ.

ĐIỀU 4

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Nghĩa vụ của bên A:

- Giao tài sản cầm cố nêu trên cho bên B theo đúng thoả thuận; nếu có giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố, thì phải giao cho bên B bản gốc giấy tờ đó, trừ trường hợp có thoả thuận khác;

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có;

- Đăng ký việc cầm cố nêu tài sản cầm cố phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

- Thanh toán cho bên B chi phí cần thiết để bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thoả thuận khác;

- Trong trường hợp vẫn giữ tài sản cầm cố, thì phải bảo quản, không được bán, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn và chỉ được sử dụng tài sản cầm cố, nếu được sự đồng ý của bên B; nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị, thì bên A không được tiếp tục sử dụng theo yêu cầu của bên B;

2. Quyền của bên A

- Yêu cầu bên B đình chỉ việc sử dụng tài sản cầm cố, nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm giá trị;

- Yêu cầu bên B giữ tài sản cầm cố hoặc người thứ ba giữ tài sản cầm cố hoàn trả tài sản cầm cố sau khi nghĩa vụ đó được thực hiện; nếu bên B chỉ nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố, thì yêu cầu hoàn trả giấy tờ đó;

- Yêu cầu bên B giữ tài sản cầm cố hoặc người thứ ba giữ tài sản cầm cố bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản cầm cố hoặc các giấy tờ về tài sản cầm cố.

ĐIỀU 5

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Nghĩa vụ của bên B:

Mẫu số 25-CC/VTS

- Giữ gìn, bảo quản tài sản cầm cố và các giấy tờ về tài sản cầm cố nêu trên, trong trường hợp làm mất, hư hỏng, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên A;
- Không được bán, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn hoặc dùng tài sản cầm cố để bảo đảm cho nghĩa vụ khác;
- Không được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu không được bên A đồng ý;
- Trả lại tài sản cầm cố và các giấy tờ về tài sản cầm cố nêu trên cho bên A khi nghĩa vụ bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

2. Quyền của bên B

- Yêu cầu người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố hoàn trả tài sản đó;
- Yêu cầu bên A thực hiện đăng ký việc cầm cố, nếu tài sản cầm cố phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đó thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ, nếu bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ;
- Được khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thoả thuận;
- Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản cầm cố khi trả lại tài sản cho bên A.

ĐIỀU 6

VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Bên..... chịu trách nhiệm nộp lệ phí công chứng Hợp đồng này.

ĐIỀU 7

XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ

1. Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bên A không trả hoặc trả không hết nợ, thì bên B có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ với phương thức:

Chọn một hoặc một số phương thức sau đây:

- Bán đấu giá tài sản cầm cố
- Bên B nhận chính tài sản cầm cố để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm

- Bên B được nhận trực tiếp các khoản tiền hoặc tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ trả tiền hoặc tài sản cho bên A

2. Việc xử lý tài sản cầm cố nêu trên được thực hiện để thanh toán cho bên B theo thứ tự nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí khác (nếu có), sau khi đã trừ đi các chi phí bảo quản, chi phí bán đấu giá và các chi phí khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố.

ĐIỀU 8

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân và về tài sản cầm cố đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Tài sản cầm cố nêu trên không có tranh chấp;
- c. Tài sản cầm cố không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
- d. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- g. Các cam đoan khác...

2. Bên B cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản cầm cố nêu trên và các giấy tờ về tài sản cầm cố, đồng ý cho bên A vay số tiền nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;
- c. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- e. Các cam đoan khác...

ĐIỀU 10
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

2. Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Hai bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Hai bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ.....

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn) tại Phòng Công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng)

Tôi....., Công chứng viên Phòng Công chứng số.....thành phố Hồ Chí Minh

Chứng nhận:

Hợp đồng cầm cố tài sản được giao kết giữa bên A là.....
.....và bên B là
.....; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 25-CC/VTS

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đó ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đó điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đó ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm..... tờ,.....trang), cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số công chứng, quyền số.....TP/CC-SCC/HĐGD.

Công chứng viên

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GÓP VỐN

Tại Phòng công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng Phòng công chứng, chúng tôi là:*

Bên góp vốn (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tháng năm tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

.....

Có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Các thành viên của hộ gia đình:

Mẫu số 26-CC/GV

- Họ và tên:
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:
 Sinh ngày:
 Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại
 Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:
 ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:
 Trụ sở:
 Quyết định thành lập số: ngày tháng năm
 do cấp.
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm
 do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:

ngày do lập.

Bên nhận góp vốn (sau đây gọi là Bên B):

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc cầm cố tài sản với những thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1
TÀI SẢN GÓP VỐN

Tài sản góp vốn thuộc quyền sở hữu của bên A: (mô tả cụ thể về tài sản góp vốn; nếu tài sản góp vốn là tài sản pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì phải liệt kê giấy tờ chứng minh quyền sở hữu).....
.....
.....

ĐIỀU 2
GIÁ TRỊ GÓP VỐN

Giá trị tài sản góp vốn được các bên cùng thống nhất thoả thuận là:.....

(bằng chữ:.....)

ĐIỀU 3
THỜI HẠN GÓP VỐN

Thời hạn góp vốn bằng tài sản nêu tại Điều 1 là:..... kể từ ngày...../...../.....

ĐIỀU 4
MỤC ĐÍCH GÓP VỐN

Mục đích góp vốn bằng tài sản nêu tại Điều 1 là:

.....
.....

ĐIỀU 5
ĐĂNG KÝ VÀ XÓA ĐĂNG KÝ GÓP VỐN

1. Bên A và bên B có nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn bằng tài sản tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. (đối với tài sản phải đăng ký)

2. Bên A có nghĩa vụ thực hiện thủ tục xoá đăng ký góp vốn sau khi hết thời hạn góp vốn.

ĐIỀU 6
VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Lệ phí công chứng Hợp đồng này do bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 7
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

1. Bên A cam đoan:
 - a. Những thông tin về nhân thân, tài sản đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b. Tài sản góp vốn không có tranh chấp;
 - c. Tài sản góp vốn không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
 - d. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
 - e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
 - g. Các cam đoan khác...

2. Bên B cam đoan:
 - a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản góp vốn nêu trên và các giấy tờ về quyền sử dụng, quyền sở hữu;
 - c. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
 - d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
 - e. Các cam đoan khác...

ĐIỀU 9
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Các bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.
2. Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Mẫu số 26-CC/GV

- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng có hiệu lực từ:

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn) tại Phòng Công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng)

Tôi....., Công chứng viên Phòng Công chứng số.....thành phố Hồ Chí Minh

Chứng nhận:

- Hợp đồng góp vốn được giao kết giữa bên A là và bên B là; các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 26-CC/GV

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm.....tờ.....trang) cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số công chứng....., quyển số.....TP/CC-SCC/HĐGD.

Công chứng viên

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

7. Thủ tục Chứng thực văn bản ủy quyền

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Người yêu cầu chứng thực ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt người thực hiện chứng thực; nộp lệ phí và nhận hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.

* Bước 2: Nộp hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ; giải thích các quy định pháp luật có liên quan đến văn bản ủy quyền; thực hiện chứng thực.

* Bước 3: Nhận đã được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện:

* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

* Trong trường hợp người già yếu không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của người thực hiện chứng thực thì việc chứng thực có thể được thực hiện ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực theo đơn yêu cầu của người có yêu cầu chứng thực.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu yêu cầu chứng thực văn bản ủy quyền

+ Bản dự thảo văn bản ủy quyền

+ Các giấy tờ liên quan đến việc ủy quyền

+ Bản sao chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác (bản sao có chứng thực hoặc đối chiếu bản chính);

+ Tùy từng loại việc ủy quyền mà có thể yêu cầu cung cấp thêm một trong các loại giấy tờ sau: bản sao giấy đăng ký hoạt động/kinh doanh (đối với tổ chức); bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.

* Số lượng hồ sơ: 03 bộ

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Phòng Tư pháp quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp quận - huyện; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy ủy quyền, Hợp đồng ủy quyền đã chứng thực

- Lệ phí (nếu có):

* Lệ phí chứng giấy ủy quyền; Mức thu 10.000 đồng/trường hợp.

* Lệ phí chứng thực hợp đồng ủy quyền; Mức thu 20.000 đồng/trường hợp

* Phí dịch vụ đánh máy (nếu có yêu cầu); Mức thu: 10.000 đồng/trang, từ trang thứ hai trở đi tính 5.000 đồng/trang

* Phí dịch vụ chứng thực ngoài trụ sở; Mức thu:

+ Trong phạm vi 10km: 50.000 đồng/lần đi

+ Từ 10 - 30km: 100.000 đồng/lần đi

+ Từ 30km trở lên: 200.000 đồng/lần đi

Ngoài ra người yêu cầu chứng thực, chứng thực phải bảo đảm phương tiện đi lại, ăn ở (nếu ở lại qua đêm).

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Phiếu yêu cầu chứng thực

+ Mẫu Hợp đồng ủy quyền (Mẫu số 27-CT/UQ)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của Pháp luật

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Bộ luật Dân sự năm 2005.

* Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về chứng thực, chứng thực.

* Thông tư số 03/2001/TT-BTP-CC ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về chứng thực, chứng thực.

* Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí chứng thực, chứng thực.

* Quyết định số 228/2004/QĐ-UB ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành mức phí dịch vụ chứng thực, chứng thực tại thành phố Hồ Chí Minh; có hiệu lực ngày 06 tháng 10 năm 2004.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm.....

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC
HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH DÂN SỰ



Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Thường trú hoặc tạm trú:

CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày..... tại

Số điện thoại: số Fax:

Hoặc tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở:.....

Họ tên người đại diện tổ chức:.....

Chức vụ:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày..... tại

Số điện thoại: số Fax:

NỘI DUNG YÊU CẦU CHỨNG THỰC

.....
.....
.....

CÁC GIẤY TỜ NỘP KÈM THEO

.....
.....
.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU

NGƯỜI YÊU CẦU CHỨNG THỰC

Mẫu số 27-CC/UQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Tại Phòng công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh (*Trường hợp việc chứng thực được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng Phòng công chứng, chúng tôi gồm có:*

Bên ủy quyền (sau đây gọi là Bên A):

Ông (Bà):

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):.....

.....

.....

Có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông :

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Cùng vợ là bà:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

(Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người).

.....

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày

tại

Hộ khẩu thường trú:

.....

Các thành viên của hộ gia đình:

- Họ và tên:

Sinh ngày:

Mẫu này được ban hành kèm theo Quyết định số 123/2005/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 27-CC/UQ

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại

Hộ khẩu thường trú:

** Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:*

Họ và tên người đại diện:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại

Hộ khẩu thường trú:

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:
 ngày do lập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Quyết định thành lập số: ngày tháng năm
 do cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày tháng năm
 do cấp.

Số Fax: Số điện thoại:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

Sinh ngày:

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày
 tại

Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số:
 ngày do lập.

Bên được ủy quyền (sau đây gọi là Bên B):

(Chọn một trong các chủ thể nêu trên)

Hai bên đồng ý giao kết hợp đồng ủy quyền với những thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ỦY QUYỀN

Ghi cụ thể nội dung công việc ủy quyền, phạm vi ủy quyền mà bên B có nghĩa vụ thực hiện nhân danh bên A.

.....
.....
.....

ĐIỀU 2
THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn ủy quyền là..... kể từ ngày.....

ĐIỀU 3
THÙ LAO

Thù lao hợp đồng (nếu có) do các bên tự thỏa thuận. Nếu ủy quyền có thù lao cần ghi rõ thời gian, phương thức thanh toán thù lao (kể cả trong trường hợp đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng ủy quyền)

.....
.....
.....
.....
.....

ĐIỀU 4
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để bên B thực hiện công việc;
 - b. Chịu trách nhiệm về cam kết do bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền;
 - c. Thanh toán chi phí hợp lý mà bên B đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền và trả thù lao cho bên B, nếu có thỏa thuận về việc trả thù lao.
2. Bên A có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền;
 - b. Yêu cầu bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc ủy quyền, nếu không có thỏa thuận khác;
 - c. Được bồi thường thiệt hại, nếu bên B vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận.

ĐIỀU 5
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện công việc ủy quyền theo ủy quyền và báo cho bên A về việc thực hiện công việc đó;
 - b. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền;

- c. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền;
- d. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện ủy quyền;
- đ. Giao lại cho bên A tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện ủy quyền theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật;
- e. Bồi thường thiệt hại do vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng;

2. Bên B có các quyền sau đây:

- a. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết nhằm thực hiện công việc ủy quyền;
- b. Hưởng thù lao, được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền.

ĐIỀU 6 VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Lệ phí công chứng Hợp đồng này do bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 7 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

- 1. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc
- 2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
- 3. Các cam đoan khác....

ĐIỀU 9 ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.
- 2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

Mẫu số 27-CC/UQ

- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;
- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng này có hiệu lực từ.....

Bên A

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày tháng..... năm..... (bằng chữ.....)

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng được thực hiện ngoài giờ làm việc, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

Tại Phòng Công chứng số..... thành phố Hồ Chí Minh.

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng)

Tôi, Công chứng viên Phòng Công chứng số... thành phố Hồ Chí Minh

Chứng nhận:

- Hợp đồng ủy quyền được giao kết giữa Bên A là..... và Bên B là; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Mẫu số 27-CC/UQ

- Các bên giao kết đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành..... bản chính (mỗi bản chính gồm... tờ,...trang), cấp cho:

+ Bên A..... bản chính;

+ Bên B..... bản chính;

+ Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số công chứng..... quyền số..... TP/CC-

Công chứng viên

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

8. Thủ tục Chứng thực chữ ký

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Người yêu cầu chứng thực ký trước mặt người thực hiện chứng thực; nộp lệ phí và nhận hồ sơ đã được chứng thực chữ ký.

* Bước 2: Nộp hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần).

Công chức nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp pháp của các giấy tờ, văn bản cần chứng thực chữ ký; thực hiện việc chứng thực chữ ký cho người yêu cầu chứng thực

* Bước 3: Trả hồ sơ đã được chứng thực chữ ký cho người yêu cầu chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác;

+ Giấy tờ mà đương sự phải ký vào.

* Số lượng hồ sơ: Tối thiểu 02 bộ (Tùy theo nhu cầu của người yêu cầu chứng thực chữ ký, nhưng phải có 01 bộ cần chứng thực chữ ký để lưu hồ sơ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong 1 buổi làm việc;

+ Không quá 3 ngày làm việc: đối với trường hợp cần phải xác minh làm rõ nhân thân của người yêu cầu chứng thực

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tư pháp quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tư pháp quận, huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản đã được chứng thực chữ ký

- Lệ phí (nếu có): Lệ phí chứng thực chữ ký; Mức thu 10.000 đ/trường hợp

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; có hiệu lực ngày 30 tháng 6 năm 2007.

* Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/08/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; có hiệu lực ngày 28 tháng 9 năm 2008.

* Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP, ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí chứng thực, chứng thực; có hiệu lực ngày 06 tháng 12 năm 2001.

* Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; có hiệu lực ngày 26 tháng 7 năm 2007.

9. Thủ tục Chứng thực việc khác theo quy định của pháp luật

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ; giải thích các quy định pháp luật có liên quan đến chứng thực theo quy định của pháp luật; thực hiện chứng thực.

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu yêu cầu chứng thực

+ Các giấy tờ liên quan đến việc chứng thực

+ Chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác tương đương của người yêu cầu chứng thực

+ Hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người yêu cầu chứng thực.

* Số lượng hồ sơ: 03 bộ

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng phòng Tư pháp quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản đã được chứng thực

- Lệ phí (nếu có):

* Lệ phí chứng thực các việc khác; Mức thu 5.000 đồng/trường hợp

* Phí dịch vụ đánh máy (nếu có yêu cầu); Mức thu: 10.000 đồng/trang, từ trang thứ hai trở đi tính 5.000 đồng/trang

* Phí dịch vụ chứng thực ngoài trụ sở; Mức thu:

+ Trong phạm vi 10km: 50.000 đồng/lần đi

+ Từ 10 - 30km: 100.000 đồng/lần đi

+ Từ 30 km trở lên: 200.000 đồng/lần đi

Ngoài ra người yêu cầu chứng thực, chứng thực phải bảo đảm phương tiện đi lại, ăn ở (nếu ở lại qua đêm).

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Phiếu yêu cầu chứng thực

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

* Tổ chức: do người đại diện theo pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Bộ luật Dân sự năm 2005

* Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về chứng thực, chứng thực.

* Thông tư 03/2001/TT-BTP-CC ngày 14/03/2001 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về chứng thực, chứng thực.

* Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí chứng thực, chứng thực.

* Quyết định số 228/2004/QĐ-UB ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành mức phí dịch vụ chứng thực, chứng thực tại thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm.....

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC
HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH DÂN SỰ



Kính gửi:

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Thường trú hoặc tạm trú:

CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày..... tại

Số điện thoại: số Fax:

Hoặc tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở:.....

Họ tên người đại diện tổ chức:.....

Chức vụ:.....

CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày..... tại

Số điện thoại: số Fax:

NỘI DUNG YÊU CẦU CHỨNG THỰC

.....
.....
.....

CÁC GIẤY TỜ NỘP KÈM THEO

.....
.....
.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU

NGƯỜI YÊU CẦU CHỨNG THỰC

PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI QUẬN - HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LĨNH VỰC
VĂN THƯ LƯU TRỮ**

XXXVIII. Lĩnh vực Văn thư lưu trữ**1. Sao lục văn bản hành chính**

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1. Người trực tiếp chịu sự điều chỉnh hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến nội dung điều chỉnh của văn bản hành chính chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn.

* Bước 2. Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, số 47 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1 (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần)

- Cách thức thực hiện : Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin sao lục văn bản hành chính (theo mẫu) (01 bản).

+ Bản sao văn bản hành chính cần sao lục (nếu có)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Văn phòng Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Bản trích lục hồ sơ

- Lệ phí (nếu có): Phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ; mức thu:

+ Tài liệu từ năm 1954 trở về trước: 1.500/trang A4

+ Tài liệu từ sau năm 1954 đến năm 1975: 1.200/trang A4

+ Tài liệu từ sau năm 1975 đến nay: 1.000/trang A4

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Đơn xin sao lục văn bản hành chính

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận 1 chỉ giải quyết sao lục các trường hợp:

+ Văn bản hành chính hiện đang được lưu trữ tại cơ quan Ủy ban nhân dân quận 1;

+ Người xin sao lục là người trực tiếp chịu sự điều chỉnh của văn bản hành chính hoặc là người có quyền và nghĩa vụ có liên quan đến nội dung điều chỉnh văn bản hành chính

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia số 34/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN SAO LỤC VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

Tôi tên là: năm sinh.....

Địa chỉ:

Số điện thoại (nếu có):

Nay tôi làm đơn này xin được sao lục các văn bản hành chính sau:

1/

2/

3/

Mục đích sử dụng:

** Trường hợp người xin sao lục không phải là người trực tiếp chịu sự điều chỉnh của văn bản hành chính, trình bày rõ mối quan hệ hoặc quyền và nghĩa vụ liên quan:*

Ngày ____ tháng ____ năm 20 ____

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: UBND quận 1 chỉ giải quyết sao lục các trường hợp sau:

- Văn bản hành chính do UBND quận 1 ban hành và hiện đang được lưu trữ tại cơ quan UBND quận 1.
- Người xin sao lục là người trực tiếp chịu sự điều chỉnh của văn bản hành chính hoặc là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến nội dung điều chỉnh văn bản hành chính.

PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI QUẬN - HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LĨNH VỰC CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
NHÀ NƯỚC**

XXXIX. Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước**1. Thủ tục Tạm tuyển công chức, viên chức chờ thi tuyển, xét tuyển**

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1. Cơ quan, đơn vị nơi tạm tuyển công chức, viên chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ.

* Bước 2. Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ huyện, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Chuyên viên Phòng Nội vụ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp đầy đủ hồ sơ thì tiếp nhận, tiến hành thẩm định và hướng dẫn cơ quan, đơn vị ký hợp đồng tạm tuyển công chức, viên chức. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cơ quan, đơn vị bổ túc hồ sơ theo quy định.

* Bước 3. Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ huyện thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi dự định tạm tuyển công chức, viên chức (nêu rõ nhu cầu, chức danh cần tuyển dụng, trình độ chuyên môn, biên chế được giao, biên chế hiện có)

+ Hồ sơ xin việc :

+ Đơn xin việc;

+ Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh), có xác nhận của địa phương;

+ Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện cấp (có giá trị trong vòng 6 tháng tính đến ngày xin việc);

+ Chứng minh nhân dân, Giấy khai sinh, Hộ khẩu thường trú (bản sao);

+ Các văn bằng, chứng chỉ (có thị thực). Nếu chưa có văn bằng chuyên môn thì phải có giấy xác nhận của trường đã thi tốt nghiệp và đủ điều kiện chờ cấp bằng, kèm bảng điểm.

+ Hợp đồng làm việc lần đầu (04 bản) có thời hạn bằng thời gian tập sự, thử việc tương ứng với mỗi loại công chức, viên chức (theo mẫu)

+ Hợp đồng lao động (04 bản) (theo mẫu)

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Phòng Nội vụ huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ huyện; các cơ quan, đơn vị nơi công chức, viên chức công tác.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Ký xác nhận vào Hợp đồng lao động

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Hợp đồng làm việc lần đầu (Mẫu số 1)

* Hợp đồng làm việc (Mẫu số 2)

* Hợp đồng lao động (Mẫu số 1)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Cán bộ, công chức làm công việc gì thì bổ nhiệm vào ngạch viên chức đó

* Người được bổ nhiệm ngạch phải đủ tiêu chuẩn quy định của ngạch

* Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí công tác và theo chỉ tiêu biên chế được giao

* Hồ sơ phải được sắp xếp theo thứ tự được nêu trong mục thành phần hồ sơ

* Phòng Nội vụ chỉ đồng ý ký hợp đồng tại thời điểm đơn vị gửi đầy đủ hồ sơ, nếu trước ngày 15 hàng tháng thì tính tháng đó, nếu sau ngày 15 thì tính tháng sau

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998

* Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000

* Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003.

* Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước

* Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước

* Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

* Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước

* Thông tư số 09/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước

* Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước

* Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước

* Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về hợp đồng lao động

* Thông tư số 07/2007/TT-BNV ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của

Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước

MẪU SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước)

Tên đơn vị:...

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC LẦN ĐẦU

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số..... của..... về việc công nhận kết quả tuyển dụng.....

Chúng tôi, một bên là Ông/ Bà:.....

Chức vụ:.....

Đại diện cho (1).....

Địa chỉ..... Điện thoại:.....

Và một bên là Ông/ Bà:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Nghề nghiệp.....

Địa chỉ thường trú tại:.....

Số CMTND.....

Cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc lần đầu và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng (2).....

- Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

- Địa điểm làm việc (3):.....

- Chức danh chuyên môn:.....

- Nhiệm vụ (4):.....

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (5):.....

- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm:.....

.....

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc lần đầu**1. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Quyền lợi:

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Phương tiện đi lại làm việc (6):.....
- Thử việc của ngành (mã số) (7):....., Bậc:..... Hệ số lương:
- Phụ cấp (nếu có) gồm (8):.....
được trả..... lần vào các ngày.... và ngày..... hàng tháng.
- Khoản trả ngoài lương.....
-
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm:.....
-
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng)
-
- Bảo hiểm xã hội (9):.....
- Bảo hiểm y tế.....
-
- Được hưởng các phúc lợi:.....
-
- Được các khoản thưởng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật (10):.....
-
- Được hưởng chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Những thỏa thuận khác (11).....
-

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp**1. Nghĩa vụ:**

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc lần đầu.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người thử việc đã cam kết trong Hợp đồng thử việc.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người ký hợp đồng làm việc lần đầu hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng.

(Bổ trí, điều động, tạm đình chỉ công tác...)

- Chấm dứt Hợp đồng thử việc, kỷ luật người thử việc theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày..... tháng.... năm.....

Hợp đồng này làm tại..... Ngày..... tháng..... năm.....

Người ký hợp đồng

làm việc lần đầu

(Ký tên)

Ghi rõ họ và tên

Người đứng đầu

đơn vị sự nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ họ và tên

HƯỚNG DẪN GHI MẪU HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC LẦN ĐẦU

1. Ghi cụ thể tên đơn vị sự nghiệp.
2. Ghi rõ thời gian thử việc theo quy định của ngạch viên chức.
3. Ghi cụ thể số nhà, phố, phường (thôn, xã), quận (huyện, thị xã), tỉnh, thành phố thuộc tỉnh hoặc Trung ương.
4. Ghi cụ thể nhiệm vụ phải đảm nhiệm.
5. Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày, hoặc trong tuần, hoặc làm việc theo giờ hành chính.
6. Phương tiện đi làm việc do đơn vị đảm nhiệm hoặc người ký hợp đồng tự lo.
7. Ghi cụ thể ký hợp đồng làm việc lần đầu ở ngạch nào, mức lương, hình thức trả lương (lương thời gian, khoán...).
8. Ghi cụ thể tỷ lệ % các phụ cấp (nếu có) như: Khu vực, trượt giá, độc hại, thu hút, thâm niên, trách nhiệm v.v...
9. Ghi cụ thể quyền lợi bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác mà người ký hợp đồng được hưởng.
10. Ghi cụ thể người ký hợp đồng được hưởng quyền lợi nào đã nêu trong mục này.
11. Những thỏa thuận khác thường là những thỏa thuận khuyến khích và có lợi hơn cho người ký hợp đồng như: Những vật dụng rẻ tiền mau hỏng, khi hư hỏng, mất, không phải đền bù, thực hiện tốt Hợp đồng làm việc lần đầu được đi du lịch, nghỉ mát, tham quan không mất tiền; tai nạn rủi ro ngoài giờ làm việc được trợ cấp thêm một khoản tiền, được tặng quà ngày sinh nhật...

MẪU SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước)

Tên đơn vị:

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định sốcủa.....về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà :

Chức vụ:

Đại diện cho (1)

Địa chỉ: Điện thoại:

Và một bên là Ông/Bà:

Sinh ngày..... tháng..... năm..... tại

Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú tại:

Số CMTND:

Cấp ngày..... tháng..... năm..... tại

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng

- Loại hợp đồng làm việc (2): Dài hạn

- Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

- Địa điểm làm việc (3):

- Chức danh chuyên môn:

- Chức vụ (nếu có):

- Nhiệm vụ (4):

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (5):

- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm:

.....

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc**1. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành việc điều động khi đơn vị sự nghiệp có yêu cầu.

2. Quyền lợi:

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Phương tiện đi lại làm việc (6):
- Ngạch được bổ nhiệm (mã số) (7):, Bạc:....., Hệ số lương:.....
- Phụ cấp (nếu có) gồm (8):
được trả 01 lần vào các ngày đầu hàng tháng.
- Khoản trả ngoài lương:
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm:
.....
.....
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng) :
-
-
- Bảo hiểm xã hội (9):
- Bảo hiểm y tế:
- Được hưởng các phúc lợi:
- Được các khoản thưởng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của Pháp luật (10):
- Được hưởng chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.
- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- Những thỏa thuận khác (11):
.....
.....

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp**1. Nghĩa vụ:**

- Bản đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người được tuyển dụng đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người được tuyển dụng hoàn thành công việc theo Hợp đồng.

(Bố trí, điều động, tạm đình chỉ công tác ...)

- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật người được tuyển dụng theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về cán bộ, công chức không ghi trong hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

- Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2008

Hợp đồng này làm tại, ngày..... tháng..... năm.....

Người được tuyển dụng

(Ký tên)

Ghi rõ họ và tên

**Người đứng đầu
đơn vị sự nghiệp**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ họ và tên

HƯỚNG DẪN GHI MẪU HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

1. Ghi cụ thể tên đơn vị sự nghiệp.
2. Ghi rõ loại Hợp đồng làm việc nào. Hợp đồng làm việc có thời hạn, Hợp đồng làm việc không có thời hạn. Nếu là Hợp đồng có thời hạn thì ghi cụ thể thời hạn bắt đầu và kết thúc.
3. Ghi cụ thể số nhà, phố, phường (thôn, xã), quận (huyện, thị xã), tỉnh, thành phố thuộc tỉnh hoặc Trung ương.
4. Ghi cụ thể nhiệm vụ phải đảm nhiệm.
5. Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày, hoặc trong tuần, hoặc làm việc trong giờ hành chính.
6. Phương tiện đi làm việc do đơn vị đảm nhiệm hoặc người ký hợp đồng tự lo.
7. Ghi cụ thể ngạch bổ nhiệm, mức lương chính, hình thức trả lương (lương thời gian, khoán ...).
8. Ghi cụ thể tỉ lệ % các phụ cấp (nếu có) như: Khu vực, trượt giá, độc hại, thu hút, thâm niên, trách nhiệm.v.v...
9. Ghi cụ thể quyền lợi bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác mà cán bộ, công chức được hưởng. Ví dụ: Đối với người làm hợp đồng làm việc không có thời hạn, hoặc có thời hạn từ 1 năm trở lên ghi là được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành của Nhà nước.
10. Ghi cụ thể người ký hợp đồng được hưởng quyền lợi nào đã nêu trong mục này.
11. Những thỏa thuận khác thường là những thỏa thuận khuyến khích và có lợi cho người ký hợp đồng như: Những vật dụng rẻ tiền mau hỏng, khi hư hỏng, mất, không phải đền bù; thực hiện tốt Hợp đồng làm việc được đi du lịch, nghỉ mát, tham quan không mất tiền; được hưởng lương tháng thứ 13, 14, được nghỉ phép thêm vài ngày đến một tuần; tai nạn rủi ro ngoài giờ làm việc được trợ cấp thêm một khoản tiền, được tặng quà ngày sinh nhật ...

Mẫu số 1**MẪU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tên đơn vị:.....

Số:.....

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà:

Quốc tịch:

Chức vụ:

Đại diện cho (1):

Điện thoại:

Địa chỉ:

Và một bên là Ông/Bà:

Quốc tịch:

Sinh ngày.... tháng.... năm.... tại.

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú:

Số CMTND: cấp ngày..../..../..... tại

Số sổ lao động (nếu có):..... cấp ngày..../..../..... tại

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3):

- Từ ngày tháng năm.... đến ngày.... tháng năm

- Thử việc từ ngày tháng năm.... đến ngày.... tháng năm

- Địa điểm làm việc (4):

- Chức danh chuyên môn:

Chức vụ (nếu có):

- Công việc phải làm (5):

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6)

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động**1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc (7):

- Mức lương chính hoặc tiền công (8):

- Hình thức trả lương:

- Phụ cấp gồm (9):

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Ghi cụ thể tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, ví dụ: Công ty Xây dựng Nhà ở Hà nội.
2. Ghi rõ tên nghề nghiệp (nếu có nhiều nghề nghiệp thì ghi nghề nghiệp chính), ví dụ: Kỹ sư.
3. Ghi rõ loại hợp đồng lao động, ví dụ 1: Không xác định thời hạn; ví dụ 2: 06 tháng.
4. Ghi cụ thể địa điểm chính, ví dụ: Số 2 - Đinh lễ - Hà Nội; và địa điểm phụ (nếu có), ví dụ: Số 5 - Tràng Thi - Hà Nội.
5. Ghi các công việc chính phải làm, ví dụ: Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện; thiết bị thông gió; thiết bị lạnh... trong doanh nghiệp.
6. Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày hoặc trong tuần, ví dụ: 08 giờ/ngày hoặc 40 giờ/tuần.
7. Ghi rõ phương tiện đi lại do bên nào đảm nhiệm, ví dụ: xe đơn vị đưa đón hoặc cá nhân tự túc.
8. Ghi cụ thể tiền lương theo thang lương hoặc bảng lương mà đơn vị áp dụng, ví dụ: Thang lương A.1.Cơ khí, Điện, Điện tử - Tin học; Nhóm III; Bậc 4/7; Hệ số 2,04; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 428.400 đồng/tháng.
9. Ghi tên loại phụ cấp, hệ số, mức phụ cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, ví dụ: Phụ cấp trách nhiệm Phó trưởng phòng; Hệ số 0,3; Mức phụ cấp 63.000 đồng/tháng.
10. Đối với người lao động thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì ghi tỷ lệ % tiền lương hàng tháng hai bên phải trích nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội, ví dụ: Hàng tháng người sử dụng lao động trích 6% từ tiền lương tháng của người lao động và số tiền trong giá thành tương ứng bằng 17% tiền lương tháng của người lao động để đóng 20% cho cơ quan bảo hiểm xã hội và 3% cho cơ quan Bảo hiểm y tế.
Đối với người lao động không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì khoản tiền bảo hiểm xã hội tính thêm vào tiền lương để người lao động tham gia Bảo hiểm tự nguyện hoặc tự lo lấy bảo hiểm, ví dụ: Khoản tiền bảo hiểm xã hội đã tính thêm vào tiền lương cho người lao động là 17% tiền lương tháng.
11. Ghi cụ thể trường hợp đơn vị cử đi đào tạo thì người lao động phải có nghĩa vụ gì và được hưởng quyền lợi gì, ví dụ: Trong thời gian đơn vị cử đi học người lao động phải hoàn thành khóa học đúng thời hạn, được hưởng nguyên lương và các quyền lợi khác như người đi làm việc, trừ tiền bồi dưỡng độc hại.
12. Ghi những quyền lợi mà chưa có trong Bộ Luật Lao động, trong thỏa ước lao động tập thể hoặc đã có nhưng có lợi hơn cho người lao động, ví dụ: đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, quà sinh nhật.
13. Ghi rõ mức bồi thường cho mỗi trường hợp vi phạm, ví dụ: Sau khi đào tạo mà không làm việc cho doanh nghiệp thì phải bồi thường 06 (sáu) triệu đồng; không làm việc đủ 02 năm thì bồi thường 03 (ba) triệu đồng.

2. Thủ tục Bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức do thi tuyển, xét tuyển (kể cả công chức xã, thị trấn)

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Cơ quan, đơn vị nơi công chức, viên chức công tác chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp tại Phòng Nội vụ huyện, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Chuyên viên Phòng Nội vụ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp đầy đủ hồ sơ tiếp nhận, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký quyết định bổ nhiệm ngạch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn đơn vị bổ túc hồ sơ theo quy định.

* Bước 3: Nhận quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức tại Phòng Nội vụ huyện, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện : Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi công chức, viên chức công tác.

+ Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động lần đầu đến khi thi tuyển, xét tuyển và các quyết định lương (nếu đã làm việc trước khi có quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển) (bản sao)

+ Bản kiểm điểm hết thời gian tập sự, thử việc (đối với người đã có quyết định tuyển dụng) hoặc bản đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm kể từ khi ký hợp đồng làm việc đến khi được công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển.

+ Bản nhận xét của người hướng dẫn tập sự, thử việc và có xác nhận của cơ quan, đơn vị (đối với người có quyết định tuyển dụng).

+ Bản quyết định phân công hướng dẫn tập sự, thử việc (đối với người có quyết định tuyển dụng).

+ Hộ khẩu, các văn bằng chuyên môn, chứng chỉ (bản sao có chứng thực);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hoặc 02 bộ đối với ngạch công chức, viên chức A0 trở lên)

- Thời hạn giải quyết:
 - * 7 ngày làm việc đối với ngạch công chức, viên chức loại B trở xuống
 - * 10 ngày làm việc đối với ngạch công chức, viên chức loại A0 trở lên
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:
 - * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện
 - * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
 - * Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ huyện.
 - * Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan, đơn vị nơi công chức, viên chức công tác.
- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính
- Lệ phí (nếu có): Không có
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
 - * Cán bộ, công chức làm công việc gì thì bổ nhiệm vào ngạch viên chức đó
 - * Người được bổ nhiệm ngạch phải đủ tiêu chuẩn quy định của ngạch
 - * Nếu cơ quan, đơn vị đề nghị bổ nhiệm ngạch cho 5 người trở lên thì phải gửi kèm tập tin danh sách
 - * Hồ sơ phải được sắp xếp theo thứ tự được nêu trong mục thành phần hồ sơ
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - * Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998;
 - * Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000;
 - * Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;
 - * Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

* Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước;

* Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

* Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước;

* Thông tư số 09/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước;

* Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

* Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

* Thông tư số 07/2007/TT-BNV ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước.

PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI QUẬN - HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LĨNH VỰC
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH,
SỰ NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

XXXX. Lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước:**1. Thủ tục thẩm định đề án thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.**

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Nhận quyết định và văn bản hướng dẫn từ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

* Bước 2: Phòng Nội vụ quận - huyện soạn thảo tờ trình và dự thảo quyết định thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện

* Bước 3: Ủy ban nhân dân quận- huyện ban hành quyết định thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cho phép thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

+ Văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

* Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện - quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

* Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

* Hướng dẫn số 441/HD-SNV ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Sở Nội vụ thành phố về thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

2. Thủ tục thẩm định đề án tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Nhận quyết định và văn bản hướng dẫn từ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

* Bước 2: Phòng Nội vụ quận - huyện soạn thảo tờ trình và dự thảo quyết định tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Bước 3: Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành quyết định tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cho phép tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

+ Văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức lại tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

* Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 0 năm /2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện - quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

* Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Hướng dẫn số 441/HD-SNV ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Sở Nội vụ thành phố về thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

3. Thủ tục thẩm định đề án giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Nhận quyết định và văn bản hướng dẫn từ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

* Bước 2: Phòng Nội vụ soạn thảo tờ trình và dự thảo quyết định giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

* Bước 3: Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

- Cách thức thực hiện : Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố cho phép giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

+ Văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố về giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

* Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện - quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

* Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

* Hướng dẫn số 441/HD-SNV ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Sở Nội vụ thành phố về thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI QUẬN - HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LĨNH VỰC TỔ CHỨC HỘI,
TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ**

XXXXI. Lĩnh vực Tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ**1. Thủ tục Công nhận Ban vận động thành lập Hội**

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thành lập Ban vận động hội theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

Chuyên viên nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin công nhận Ban vận động thành lập Hội, trong đơn nêu rõ tên hội, tôn chỉ, mục đích của hội, lĩnh vực mà Hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian trì bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp.

+ Danh sách và trích ngang của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; trú quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Chưa có quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã có ít nhất 3 thành viên

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật số 102/SL/L-004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 của Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa quy định quyền lập hội.

* Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

* Quyết định số 21/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước

* Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2. Thủ tục Thành lập, phê duyệt điều lệ quỹ (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận- huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện : Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị thành lập quỹ.

+ Dự thảo điều lệ quỹ.

+ Đề án thành lập và hoạt động của quỹ.

+ Cam kết có trụ sở chính của quỹ.

+ Cam kết về tài sản đóng góp để thành lập quỹ.

+ Tư cách sáng lập viên theo quy định tại khoản 6 điều 10 Nghị định 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007

+ Bản sao di chúc, hợp đồng ủy quyền có công chứng (đối với Quỹ được thành lập theo di chúc hoặc hợp đồng ủy quyền của tổ chức, cá nhân)

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Sáng lập viên thành lập quỹ phải có đủ điều kiện sau đây:

+ Đối với sáng lập viên là công dân Việt Nam phải có: lý lịch tư pháp; cam kết đóng góp tài sản, tài chính để thành lập quỹ.

+ Đối với sáng lập viên là người nước ngoài có: lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của người nước ngoài đó mang quốc tịch; cam kết góp tài sản, tài chính của cá nhân người nước ngoài đó cho cá nhân tổ chức Việt Nam để tham gia thành lập quỹ; cam kết thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và mục tiêu hoạt động của quỹ;

+ Đối với sáng lập viên là tổ chức của Việt Nam: tên và địa chỉ của tổ chức; nghị quyết của Ban lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ kèm theo quyết định về số tài sản đóng góp thành lập quỹ, Điều lệ của tổ chức, Quyết định cử đại diện tham gia hoặc là sáng lập viên thành lập quỹ;

+ Đối với sáng lập viên là tổ chức nước ngoài: tên đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức; Điều lệ của tổ chức; có cam kết góp tài sản, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Việt Nam và mục tiêu hoạt động của quỹ; lý lịch người đại diện của tổ chức tham gia quỹ có xác nhận của tổ chức.

(2). Điều kiện thành lập quỹ:

+ Có mục đích hoạt động theo quy định tại Điều 2 Nghị định này;

+ Có cam kết đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức là sáng lập viên;

+ Có Điều lệ, cơ cấu tổ chức phù hợp với các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

+ Có trụ sở giao dịch.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Tạm đình chỉ quỹ (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận- huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Văn bản vi phạm một trong các quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 148/2007/NĐ-CP của quỹ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục Quỹ tự giải thể (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị giải thể;

+ Nghị quyết của Hội đồng quản lý về lý do quỹ tự giải thể;

+ Ban kiểm kê tài sản, tài chính của quỹ;

+ Dự kiến phương thức sử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ;

+ Văn bản chứng minh quỹ thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 03 số báo liên tiếp ở địa phương.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thủ tục Quĩ bị giải thể (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Văn bản chứng minh quỹ vi phạm một trong các quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thủ tục Thay đổi giấy phép thành lập hoặc công nhận điều lệ quỹ (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin cấp lại giấy phép thành lập hoặc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ.

+ Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ nêu rõ lý do về việc xin cấp lại giấy phép thành lập hoặc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ.

+ Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thủ tục Đình chỉ thu hồi giấy phép thành lập quỹ (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ hoặc văn bản chứng minh sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập mà quỹ không hoạt động, không đáp ứng đủ các điều kiện để quỹ hoạt động theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 148/2007/NĐ-CP.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục Hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị việc hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ; tên gọi mới của quỹ sau khi hợp nhất, sát nhập, chia, tách.

+ Đề án tổ chức và hoạt động của quỹ.

+ Dự thảo Điều lệ quỹ.

+ Văn bản về trụ sở chính của quỹ.

+ Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ.

+ Báo cáo nhân sự Hội đồng quản lý quỹ và lý lịch tư pháp của Chủ tịch quỹ.

+ Biên bản thỏa thuận giữa các bên về tài chính quỹ.

+ Phương án giải quyết tài sản, tài chính khi hợp nhất, sát nhập, chia, tách quỹ.

+ Ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về ngành, lĩnh vực mà quỹ hoạt động.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Nội vụ quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Bộ Luật Dân sự năm 2005, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2006

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thủ tục Đổi tên quỹ (nếu được ủy quyền).

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì ký nhận vào sổ ký nhận của người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Phòng Nội vụ quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi tên quỹ.

+ Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc đổi tên quỹ.

+ Dự thảo Điều lệ quỹ.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận; Phòng Nội vụ quận

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Công văn số 3893/UBND-TM ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(Xem tiếp Công báo số 130 + 131)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: t tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng